TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Diệp Hồng Châu
2/ Bà Bùi Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên tòa:* Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2018, về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Châu Thanh T, sinh năm 1980 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.
2. Bị đơn: Ông Trần Thanh Ph, sinh năm 1967 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Châu Thanh T trình bày: Vào năm 2000, bà T và ông Trần Thanh Ph tự nguyện chung sống với nhau. Đến năm 2003 mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 4/3 ngày 14/02/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân chính là do ông Ph thường xuyên đi nhậu, không lo làm ăn. Bà T thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn yêu thương nhau nên quyết định ly hôn. Vợ chồng bà đã không còn chung sống từ năm 2010 đến nay. Trong thời gian chung sống bà T và ông Ph có một người con chung tên Trần Duy P, sinh ngày 06/01/2002, hiện nay đang chung sống với bà T.

Nay bà Châu Thanh T yêu cầu được ly hôn với ông Ph. Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu P đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Thanh Ph, nhưng ông Ph không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T, đồng thời ông Ph cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Trần Thanh Ph nhưng ông Ph vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Thanh Ph.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thanh T, nhận thấy bà T và ông Ph tự nguyện chung sống với nhau năm 2000, đến năm 2003 mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 04/03 ngày 14/02/2003. Quan hệ hôn nhân của bà T và ông Ph không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông Ph thường xuyên đi nhậu, không lo làm ăn. Hiện bà T nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương nhau nên có nguyện vọng ly hôn. Bà T và ông Ph đã không còn chung sống từ năm 2010 đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà T suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Ph, nhưng bà T vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Châu Thanh T được ly hôn với ông Trần Thanh Ph.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống bà Châu Thanh T và ông Trần Thanh Ph có một con chung tên Trần Duy P, sinh ngày 06/01/2002, hiện đang chung sống với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Để đảm bảo cuộc sống của cháu P không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P là muốn được sống với mẹ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà T. Bà T hiện có việc làm, thu nhập ổn định nên việc bà T không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà T trình bày tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T trình bày nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Bà Châu Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a hhoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thanh T được ly hôn với ông Trần Thanh Ph.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Duy P, sinh ngày 06/01/2002 cho bà Châu Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Ông Trần Thanh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Thanh Ph được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Ông Trần Thanh Ph không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Duy P của bà Châu Thanh T.

- Về tài sản chung: Bà Châu Thanh T trình bày tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Châu Thanh T trình bày nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Châu Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006553, ngày 28/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Trần Thanh Ph không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án

hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh